



VIET FLIGHT TRAINING JSC.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

**HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO PHI CÔNG CƠ BẢN**

Số: .....

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14/06/2005
- Căn cứ Giấy phép số 0305790306, đăng ký lần đầu ngày ngày 11/06/2008, số ĐKKD 4103010576, sửa đổi lần 3 ngày 27/01/2011 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cho phép Công ty CPĐT Bay Việt hoạt động;
- Căn cứ Hợp đồng đào tạo học viên phi công cơ bản ký giữa Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty Cổ phần và Công ty cổ phần Đào tạo Bay Việt số .....ngày.....
- Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại trụ sở Công ty Cổ phần Đào tạo Bay Việt, chúng tôi gồm:

**1. Công ty Cổ phần đào tạo Bay Việt, đại diện bởi:**

**Ông/Bà** : **NGUYỄN NAM LIÊN**  
**Chức vụ** : Tổng Giám đốc  
**Trụ sở** : 117 Hồng Hà, Phường 02, Quận Tân Bình, TPHCM  
**Số điện thoại** : 08 3 5470916 Fax: 08 35470920  
**Mã số thuế** : 0305790306  
**Tài khoản số** : 106 2095 3268 015 tại Ngân hàng Techcombank, CN Tân Bình

Sau đây gọi là "VFT" "Bên A" hoặc "Công ty Bay Việt"

**2. Ông/Bà** : .....  
**Sinh ngày** : .....  
**Số CMND** : ..... Ngày cấp: ..... tại: .....  
**Số điện thoại** : .....  
**Địa chỉ thường trú** : .....  
**E-mail** : .....  
**Tài khoản số** : .....

Sau đây gọi là "Bên B" hoặc "Học viên"

Cùng nhất trí ký Hợp đồng đào tạo Phi công cơ bản (Sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1: Nội dung của Hợp đồng**



- 1.1 Bên A tổ chức và liên kết huấn luyện Phi công cơ bản theo yêu cầu của Bên B theo các điều kiện, điều khoản qui định tại Hợp đồng này và đảm bảo việc làm cho Bên B tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (VNA) hoặc các Hãng Hàng không đối tác khác sau khi tốt nghiệp.
- 1.2 Sau khi tốt nghiệp khóa học, Bên B sẽ được cấp các giấy phép/bằng cấp/chứng chỉ sau đây:
  - a) Chứng chỉ phi công vận tải hàng không ATP (lý thuyết) do Bên A cấp và được Cục Hàng không Việt Nam (CAAV) công nhận ;
  - b) Bằng phi công tư nhân (PPL) (\*)
  - c) Bằng phi công thương mại (CPL)(\*)
  - d) Chứng chỉ bay bằng thiết bị bay nhiều động cơ (IR/ME) (\*)
  - e) Chứng chỉ Anh văn hàng không đạt chuẩn ICAO tối thiểu cấp độ 4.
  - f) Chứng chỉ hoàn thành khóa huấn luyện phối hợp tổ bay (MCC) do Bên A cấp và được Cục Hàng không Việt Nam (CAAV) công nhận;
  - g) Giấy phép lái máy bay thương mại (CPL) do CAAV cấp;  
(\*): các chứng chỉ do Nhà chức trách Hàng Không nước sở tại cấp theo Hợp đồng huấn luyện thực hành bay giữa Trường bay và Học viên.
- 1.3 Chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng qui định của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO), Cục Hàng không nước sở tại và các qui định, qui chế hiện hành của Cục Hàng không Việt Nam (CAAV) và chính sách huấn luyện của VNA hoặc các Hãng Hàng không đối tác.
- 1.4 Các phụ lục sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng này:
  - a) Phụ lục 1: Huấn luyện lý thuyết phi công vận tải hàng không ATP
  - b) Phụ lục 2: mẫu Hợp đồng huấn luyện thực hành bay giữa Trường bay đối tác và Học viên
  - c) Phụ lục 3: Huấn luyện phối hợp tổ lái nhiều thành viên MCC
  - d) Phụ lục 4: Bảng chữ viết tắt và các định nghĩa
  - e) Phụ lục 5: Yêu cầu đối với chương trình huấn luyện học viên phi công cơ bản
  - f) Phụ lục 6: Danh mục các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc VNA thanh toán một phần kinh phí đào tạo theo chính sách
  - g) Các Phụ lục sửa đổi, bổ sung phát sinh khi thực hiện Hợp đồng này (nếu có).

## **Điều 2: Thực hiện Chương trình đào tạo**

- 2.1 Chương trình đào tạo phi công cơ bản được qui định tại các Phụ lục chi tiết của Hợp đồng và bao gồm 03 giai đoạn như sau:
  - a) Giai đoạn 1: huấn luyện lý thuyết phi công vận tải Hàng không ATP tại Việt Nam;
  - b) Giai đoạn 2: Huấn luyện thực hành bay tại các trường bay đối tác của VFT;
  - c) Giai đoạn 3: Huấn luyện MCC tại Việt Nam.



- Trong quá trình huấn luyện, nếu CAAV và/hoặc nhà tuyển dụng có thay đổi về chính sách huấn luyện thì Bên B phải tuân thủ chính sách huấn luyện cập nhật của CAAV và/hoặc nhà tuyển dụng.
- 2.2 Trước Giai đoạn 1 và Giai đoạn 3, hai bên sẽ ký kết Phụ lục cho từng giai đoạn huấn luyện tương ứng qui định cụ thể các nội dung đào tạo, kế hoạch đào tạo và các vấn đề liên quan khác.
  - 2.3 Đối với giai đoạn 2: Bên A giới thiệu các Trường bay đối tác được CAAV phê chuẩn và Nhà tuyển dụng công nhận, để Bên B lựa chọn và trực tiếp ký Hợp đồng huấn luyện thực hành bay.
  - 2.4 Trình tự huấn luyện của các Giai đoạn có thể thay đổi linh hoạt theo nhu cầu cụ thể và khả năng của các bên.

### **Điều 3: Điều kiện để Bên B tham gia khóa đào tạo**

Bên B phải đáp ứng các điều kiện sau để tham gia khóa đào tạo:

- 3.1 Có giấy chứng nhận sức khỏe đáp ứng theo qui định của CAAV và Nhà tuyển dụng;
- 3.2 Đạt yêu cầu tuyển chọn trình độ đầu vào của Tổ chức huấn luyện hàng không;
- 3.3 Lý lịch bản thân, gia đình rõ ràng, không có tiền án, tiền sự (theo xác nhận của lý lịch tư pháp).
- 3.4 Được phép xuất cảnh của Việt Nam và được cấp thị thực nhập cảnh của quốc gia nơi thực hiện khóa đào tạo;
- 3.5 Đảm bảo về khả năng tài chính cho khóa đào tạo

### **Điều 4: Học phí**

Học phí của khóa học: bao gồm học phí của 3 giai đoạn huấn luyện, cụ thể:

- + Lý thuyết ATP : 134.000.000 đồng
- + Huấn luyện bay : 100.000.000 đồng (chi phí quản lý của VFT)
- + MCC : học phí của giai đoạn huấn luyện MCC theo bảng giá có hiệu lực do Bên A phát hành tại thời điểm Bên B tham gia huấn luyện MCC.

### **Điều 5: Phương thức thanh toán**

- 5.1. Bên B thanh toán học phí cho Bên A làm ba đợt như sau :
  - + Đợt 1 : 134.000.000 đồng ngay khi ký hợp đồng này,
  - + Đợt 2 : 100.000.000 đồng ngay khi kết thúc giai đoạn huấn luyện ATP,
  - + Đợt 3 : trước khi tham gia huấn luyện MCC. Giá trị thanh toán đợt 3 tương đương mức học phí MCC theo bảng giá có hiệu lực do Bên A phát hành tại thời điểm Bên B bắt đầu tham gia huấn luyện MCC.
- 5.2. Trường hợp Học viên thay đổi trình tự huấn luyện theo qui định tại Khoản 2.4. Cụ thể Học viên tham gia huấn luyện Giai đoạn 2 trước (Huấn luyện thực hành bay tại các trường bay đối tác của VFT) sau đó mới tham gia huấn luyện giai đoạn 1 (huấn luyện lý thuyết phi công vận tải Hàng không ATP) thì giá trị thanh toán của các đợt thanh toán thay đổi như sau:



- + Đợt 1 : 100.000.000 đồng ngay khi ký hợp đồng này,
- + Đợt 2 : 134.000.000 đồng trước khi bắt đầu giai đoạn huấn luyện ATP,
- + Đợt 3 : mức học phí MCC theo bảng giá có hiệu lực do Bên A phát hành tại thời điểm Bên B bắt đầu tham gia huấn luyện MCC. Bên B thanh toán Đợt 3 trước khi tham gia huấn luyện MCC.

## **Điều 6: Dừng huấn luyện, Giảm đoạn huấn luyện và Huấn luyện thêm**

### **6.1 Dừng huấn luyện:**

6.1.1. Bên B không được hoàn lại số tiền học phí đã đóng cho bên A khi bên B dừng huấn luyện do các nguyên nhân sau:

- + Bên B tự ý dừng/bỏ học;
- + Bên B buộc phải dừng/đình chỉ huấn luyện do vi phạm pháp luật hoặc vi phạm kỷ luật của Cơ sở đào tạo;
- + Các nguyên nhân khác do lỗi của Bên B (ví dụ: Bên B không tiếp tục đóng học phí/đóng học phí chậm trễ, thiếu nỗ lực học tập,... )

6.1.2. Ngoại trừ các trường hợp qui định tại Khoản 6.1.1 ở trên, Bên B được hoàn lại học phí hoặc chi phí quản lý khi dừng huấn luyện hoặc khi đổi trường trong giai đoạn huấn luyện bay, cụ thể như sau

#### **(i) Dừng học giai đoạn huấn luyện ATP**

- + Bên B chưa tham gia học ATP: hoàn lại 100% số học phí ATP đã đóng
- + Bên B đã tham gia huấn luyện dưới 40% khối lượng huấn luyện của khóa học ATP: thu 67.000.000 VNĐ
- + Bên B đã tham gia từ 40% khối lượng huấn luyện của khóa học ATP trở lên: thu 134.000.000 VNĐ

#### **(ii) Dừng hoặc đổi trường bay giai đoạn huấn luyện bay**

- + Bên B dừng học khi đã đăng ký học bay nhưng chưa có visa: thu phí quản lý 20.000.000 VNĐ
- + Bên B dừng học khi đã đăng ký học bay, đã có visa hoặc khi đang học bay tại trường bay: thu 100.000.000 VNĐ
- + Bên B yêu cầu đổi trường bay đã lựa chọn trong vòng 7 ngày kể từ ngày đăng ký học bay: không thu phí đổi trường.
- + Bên B đổi trường bay đã lựa chọn sau 7 ngày kể từ ngày đăng ký học bay: thu phí đổi trường 20.000.000 VNĐ
- + Việc dừng huấn luyện trong giai đoạn huấn luyện bay tuân thủ qui định của Trường bay.

#### **(iii) Học phí MCC**

- + Bên B dừng học khi chưa tham gia học MCC : không thu phí
- + Bên B dừng học khi đang trong giai đoạn lý thuyết: thu học phí 20.000.000 VNĐ/HV + phí hủy giờ SIM (nếu có)
- + Bên B dừng học khi đang huấn luyện thực hành SIM: thu 20.000.000 VNĐ + số bài sim đã học x đơn giá huấn luyện MCC theo qui định hiện hành của VFT + phí hủy giờ SIM



Trong đó Phí hủy giờ SIM được tính như sau:

- Bên B thông báo dừng học SIM từ 02 ngày làm việc trở lên tính đến ngày học theo lịch đã thông báo: không thu phí
- Bên B thông báo dừng học dưới 02 ngày làm việc tính đến ngày có lịch sim theo thông báo hoặc không thông báo: thu phí hủy giờ học là 30.000.000 VNĐ/tổ

6.2 Giám đoạn huấn luyện: Nếu trong quá trình huấn luyện mà việc huấn luyện của Bên B bị gián đoạn quá hai (02) tháng thì được coi là trường hợp dừng huấn luyện.

6.3 Huấn luyện thêm/bổ sung và/hoặc thi lại

- a) Nếu trong quá trình huấn luyện mà Bên B phải huấn luyện thêm và/hoặc thi lại để đáp ứng yêu cầu huấn luyện theo yêu cầu của Tổ chức huấn luyện hàng không. Bên B phải thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí huấn luyện bổ sung/lệ phí thi lại và các chi phí liên quan theo đơn giá huấn luyện theo qui định tại các Phụ lục của Hợp đồng.
- b) Trường hợp Học viên phải huấn luyện thêm vượt qui định tại Chính sách huấn luyện phần D-OM của VNA thì phải được sự chấp thuận bằng văn bản của VNA về việc có tiếp nhận Học viên sau khi tốt nghiệp.
- c) Trường hợp Tổ chức huấn luyện hàng không buộc phải hủy giờ huấn luyện lý thuyết hoặc thực hành do Bên B tự ý bỏ học hoặc đến trễ vì bất kỳ lý do gì ngoại trừ nguyên nhân về sức khỏe (có giấy chứng nhận giám định y khoa hợp lệ) hoặc nguyên nhân bất khả kháng qui định tại Điều 13 của Hợp đồng này thì Bên B sẽ phải trả cho Bên A tiền phí hủy giờ học theo qui định của Tổ chức huấn luyện hàng không.
- d) Trường hợp phát sinh yêu cầu huấn luyện thêm để đáp ứng với chính sách huấn luyện cập nhật của CAAV và/hoặc Nhà tuyển dụng thì Bên B phải thanh toán cho Bên A các chi phí phát sinh theo đơn giá của Tổ chức huấn luyện hàng không để được huấn luyện thêm cho phù hợp với chính sách huấn luyện của CAAV và/hoặc Nhà tuyển dụng.

**Điều 7: Đảm bảo việc làm tại VNA hoặc các Hãng Hàng không đối tác của Bên A sau khi tốt nghiệp**

- 7.1 Bên B chỉ được đảm bảo việc làm tại VNA hoặc các Hãng Hàng không đối tác của Bên A sau khi hoàn thành cả 3 giai đoạn huấn luyện do Bên A tổ chức như qui định tại Điều 2 của Hợp đồng này;
- 7.2 Bên B chỉ được đảm bảo việc làm tại VNA theo qui định tại Quy chế đào tạo hiện hành của VNA. Bên B đáp ứng các tiêu chuẩn sơ tuyển và tuyển dụng, các yêu cầu qui định tại Quy chế đào tạo và Qui định tuyển dụng PCCB tự túc kinh phí đào tạo của VNA, bao gồm nhưng không giới hạn đáp ứng các yêu cầu:



- a) Hoàn thành khóa học và đạt được các giấy phép/bằng cấp/chứng chỉ qui định tại Khoản 1.2 của Hợp đồng này;
- b) Có giấy chứng chỉ sức khỏe loại 1 của Tổ chức Giám định y tế hàng không (được CAAV phê chuẩn);
- c) Lý lịch bản thân, gia đình rõ ràng, không có tiền án, tiền sự (theo xác nhận của lý lịch tư pháp). Có kết quả xác minh lý lịch phù hợp với qui định của Nhà nước và VNA;
- d) Đã hoàn thành khóa huấn luyện quân sự tại Trường Sĩ quan Không quân Nha Trang theo qui định của VNA
- e) Đạt yêu cầu của VNA tại vòng phỏng vấn tuyển dụng của VNA sau khi hoàn thành khóa huấn luyện PCCB;
- f) Đã ký Hợp đồng cam kết tuyển dụng sau đào tạo với VNA (trong trường hợp Bên B có nguyện vọng làm việc cho VNA).
- g) Đáp ứng các yêu cầu khác của VNA (nếu có).

7.3 Quyền lợi và nghĩa vụ của Bên B khi ký kết hợp đồng lao động với VNA:

- a) Được hưởng các **quyền lợi và nghĩa vụ như các phi công Việt Nam** làm việc tại VNA
- b) Được hưởng các quyền lợi theo qui định tại Quy chế đào tạo của VNA đối với học viên phi công tốt nghiệp đào tạo cơ bản;
- c) Được hưởng chính sách thanh toán một phần kinh phí đào tạo của VNA theo qui định tại Quy chế đào tạo của VNA. Mức thanh toán một phần kinh phí đào tạo như sau:
  - i. Học viên PCCB đạt loại Giỏi: VNA thanh toán 50% Kinh phí đào tạo cho giai đoạn huấn luyện PCCB.
  - ii. Học viên PCCB đạt loại Khá: VNA thanh toán 20% Kinh phí đào tạo cho giai đoạn huấn luyện PCCB.
  - iii. Thời hạn học viên nhận thanh toán một phần Kinh phí đào tạo: Học viên nhận thanh toán một phần Kinh phí đào tạo sau khi hoàn thành khóa huấn luyện chuyển loại vào bay khai thác cho VNA sau một (01) năm và không vi phạm quy định về an toàn bay và các quy định khác của VNA và pháp luật.
  - iv. Phương thức thanh toán: VNA sẽ thanh toán trực tiếp cho Học viên theo thời hạn qui định tại Quy chế đào tạo của VNA. Các tài liệu, chứng từ liên quan đến việc thanh toán một phần kinh phí đào tạo cho học viên PCCB được quy định tại Phụ lục 6 của Hợp đồng này.

7.4 Trường hợp Bên A lựa chọn Nhà tuyển dụng khác thì thực hiện theo cam kết qui định tại Hợp đồng tương ứng giữa Bên A và Nhà tuyển dụng đó.



### **Điều 8: Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên A**

- 8.1 Tổ chức đào tạo theo qui định tại Điều 1 của Hợp đồng với chương trình và bằng cấp/chứng chỉ tuân thủ các qui định của CAAV và Nhà tuyển dụng.
- 8.2 Đảm bảo cho Bên B trong suốt quá trình tham dự khóa học những nội dung sau:
  - a) Tính pháp lý của Khóa học và Trường bay đối tác mà Bên B ký Hợp đồng huấn luyện bay giai đoạn 2;
  - b) Chương trình huấn luyện đáp ứng các yêu cầu của Nhà tuyển dụng;
  - c) Quản lý học viên theo qui định tại Hợp đồng này;
  - d) Theo dõi và đôn đốc Trường bay thực hiện đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng huấn luyện bay ký giữa Học viên và Trường bay.
  - e) Đảm bảo Bên B được bảo hiểm y tế (ốm đau) và tai nạn trong thời gian huấn luyện tại nước ngoài;
  - f) Làm việc với Nhà tuyển dụng để tổ chức kiểm tra, tiếp nhận Bên B vào làm việc tại VNA hoặc Nhà tuyển dụng khác;
  - g) Thông báo kịp thời các cập nhật chính sách huấn luyện và tuyển dụng của các Nhà tuyển dụng cho bên B.
- 8.3 Hỗ trợ Bên B các nội dung sau:
  - a) Tổ chức huấn luyện quân sự cho Bên B tại Trường Sĩ quan Không quân Nha Trang theo qui định của VNA khi bên B có yêu cầu
  - b) Thủ tục hành chính như: xin visa, làm việc với đối tác để xin gia hạn visa cho Bên B; đảm bảo quyền và lợi ích của Học viên theo đúng Hợp đồng huấn luyện bay giữa Bên B và Trường Bay như huấn luyện bổ sung, thi lại...
  - c) Thủ tục thanh toán học phí cho Trường bay trong giai đoạn huấn luyện thực hành bay;
  - d) Thủ tục về thăm tra lý lịch, khám sức khỏe, thủ tục thị thực nhập cảnh vào quốc gia mà Bên B sẽ tham gia khóa học và đặt vé máy bay đi và về từ Hà Nội/Thành phố Hồ Chí Minh đến địa điểm học bằng chi phí của Bên B khi có yêu cầu.
  - e) Thủ tục vay ngân hàng trong trường hợp Bên B có nguyện vọng vay tiền đóng học phí cho khóa học;
- 8.4 Bên A không chịu trách nhiệm về nghĩa vụ thanh toán của Bên B theo Hợp đồng ký giữa Bên B và Trường bay.

### **Điều 9: Quyền hạn và nghĩa vụ của Bên B**

- 9.1 Được huấn luyện và cấp giấy phép/bằng cấp/ chứng chỉ theo điều 1 mục 1.2 của Hợp đồng này;
- 9.2 Được đảm bảo việc làm tại VNA hoặc Nhà tuyển dụng khác theo qui định của Hợp đồng này;





- 9.3 Nghiêm chỉnh chấp hành Nội quy của VFT và/hoặc Trường bay và các qui định pháp luật hiện hành của Việt Nam và nước sở tại;
- 9.4 Thanh toán cho Bên A theo đúng qui định tại Điều 5;
- 9.5 Bồi thường mọi thiệt hại do lỗi của Bên B gây ra cho Bên A và/hoặc Trường bay trong suốt quá trình đào tạo.

#### **Điều 10: Bồi thường vi phạm Hợp đồng cam kết tuyển dụng với VNA**

- 10.1 Trong trường hợp Bên B đã ký Hợp đồng cam kết sau tuyển dụng với VNA nhưng sau khi tốt nghiệp từ chối làm việc cho VNA thì phải thanh toán chi phí bồi thường hợp đồng cho Bên A để Bên A thanh toán cho VNA theo qui định tại Hợp đồng VFT-VNA trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu bồi thường của Bên A. Chi phí bồi thường sẽ theo tổn thất trực tiếp thực tế của VNA do không có phi công đưa vào khai thác, được tính căn cứ theo các chứng từ, hóa đơn, hồ sơ cụ thể do VNA cung cấp nhưng không vượt quá chi phí đào tạo phi công cơ bản.
- 10.2 Trong trường hợp Bên B đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tuyển dụng của VNA và đã ký Hợp đồng cam kết sau tuyển dụng với VNA mà VNA từ chối tiếp nhận Bên B vào làm việc sau khi tốt nghiệp thì Bên B sẽ làm việc với VNA để yêu cầu VNA bồi thường chi phí không thực hiện Hợp đồng cho Bên B theo qui định tại Hợp đồng VFT-VNA. Chi phí bồi thường được tính trên cơ sở các thiệt hại trực tiếp thực tế của Bên B được chứng minh bằng các chứng từ, hóa đơn, hồ sơ nhưng không vượt quá chi phí đào tạo PCCB.

#### **Điều 11: Điều khoản phạt**

Trong trường hợp Bên B không thanh toán đúng hạn theo qui định tại Điều 5 của Hợp đồng, Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả tiền lãi trên số tiền chậm trả bằng lãi suất tại Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm chậm thanh toán.

#### **Điều 12: Giải quyết tranh chấp**

- 12.1 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì các bên phải giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 12.2 Quyết định có hiệu lực của Tòa án là quyết định cuối cùng và các bên phải nghiêm túc chấp hành.

#### **Điều 13: Bất khả kháng**

- 13.1 Các trường hợp bất khả kháng bao gồm nhưng không hạn chế các trường hợp dưới đây:
  - a) Các thảm họa hoặc thiên tai như: Động đất, sóng thần, lũ lụt, các biến đổi bất thường của thời tiết, dịch bệnh.





- b) Tình trạng chiến tranh, tuyên bố hoặc không tuyên bố, bị bao vây.
  - c) Tình trạng rối loạn trật tự công cộng như: bạo loạn, bãi công, đình công và các cuộc biểu tình có tính quần chúng và xã hội ảnh hưởng đến việc thực thi hợp đồng này;
  - d) Các quyết định của Chính phủ Việt Nam hoặc Chính phủ nước sở tại như: lệnh cấm vận, lệnh ngăn cấm hay hạn chế thuộc bất cứ dạng nào, chế độ quân dịch, kiểm dịch, trưng thu, các lệnh ưu tiên khác, quan hệ ngoại giao;
- 13.2 Khi xảy ra tình trạng hoặc sự kiện như trên, Chương trình đào tạo sẽ bị tạm hoãn một khoảng thời gian, tương ứng khoảng thời gian gây ra bởi trường hợp bất khả kháng và cộng thêm một khoảng thời gian hợp lý nhưng không quá một tháng để tiếp tục thực hiện Chương trình đào tạo theo một thỏa thuận mà hai bên có thể thống nhất.
- 13.3 Nếu thời gian thực hiện Hợp đồng này bị gián đoạn lớn hơn 120 ngày vì nguyên nhân bất khả kháng, thì hai bên sẽ gặp nhau để cùng đàm phán lại Hợp đồng này hoặc xem xét chấm dứt Hợp đồng.

#### **Điều 14: Miễn trừ trách nhiệm**

Các bên sẽ được miễn trừ trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- 14.1 Một trong hai Bên không thực hiện được nghĩa vụ của Hợp đồng vì lý do bất khả kháng theo qui định tại Điều 12 của Hợp đồng.
- 14.2 Tổ chức huấn luyện hàng không không thể thực hiện nghĩa vụ đào tạo theo Hợp đồng này vì lý do bất khả kháng như qui định tại Điều 12.

#### **Điều 15: Quyền sở hữu trí tuệ**

- 15.1 Các tài liệu, dữ liệu sử dụng trong khóa đào tạo là tài sản của Bên A hoặc Tổ chức huấn luyện hàng không và được cung cấp cho Bên B nhằm phục vụ duy nhất cho việc huấn luyện đào tạo theo Hợp đồng này.
- 15.2 Bên B cam kết chỉ sử dụng tài liệu, dữ liệu mà Bên A hoặc các Tổ chức huấn luyện hàng không cung cấp phục vụ cho việc huấn luyện đào tạo theo hợp đồng này. Bên B không sử dụng, sao chép, bán, cho thuê, cho mượn các tài liệu, dữ liệu này cho bất kỳ một người thứ ba hoặc bên thứ ba nào hoặc cho một mục đích nào khác mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- 15.3 Trường hợp Bên B vi phạm qui định tại Khoản 15.2 thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với thiệt hại phát sinh cho bên A và/hoặc Tổ chức huấn luyện hàng không và các chi phí về quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) do hậu quả của việc vi phạm nói trên gây ra.

#### **Điều 16: Hiệu lực của Hợp đồng**

- 16.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày .....(trước ngày HĐ ATP có hiệu lực);



- 16.1 Hợp đồng này sẽ được tự động thanh lý sau khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ đối với Bên kia theo qui định của Hợp đồng này.
- 16.2 Bên A và Bên B đồng ý công nhận Hợp đồng đào tạo PCCB giữa VFT và VNA là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này. Tất cả nội dung liên quan đến VNA qui định tại Hợp đồng này không được trái với qui định tại Hợp đồng đào tạo PCCB giữa VFT và VNA. Trường hợp có sai khác sẽ áp dụng qui định tại Hợp đồng đào tạo PCCB giữa VFT và VNA.
- 16.3 Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau; Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

**BÊN A**  
TỔNG GIÁM ĐỐC

**BÊN B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGUYỄN NAM LIÊN



**Phụ lục 4**

**BẢNG CHỮ VIẾT TẮT VÀ CÁC ĐỊNH NGHĨA**

1. **CAAV:** Là Cục Hàng không Việt Nam
2. **Chính sách huấn luyện phần D-OM của VNA**
3. **CPL:** Là Bằng phi công thương mại
4. **EASA:** Là Nhà chức trách Hàng không Châu Âu
5. **FAA:** Là Cục Hàng không Dân dụng liên bang Hoa Kỳ
6. **Hợp đồng:** Là Hợp đồng đào tạo Phi công cơ bản ký giữa Bên A và Bên B
7. **Hợp đồng đào tạo học viên phi công cơ bản giữa VFT và VNA hay Hợp đồng VNA-VFT:** Là Hợp đồng đào tạo học viên phi công cơ bản giữa VNA số 19/HĐĐT/VNA-VFT ký ngày 07/10/2015
8. **ICAO:** Là Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế
9. **IR/ME:** Là năng định bay bằng thiết bị
10. **Kinh phí đào tạo** là tiền học phí của khóa đào tạo PCCB theo chương trình huấn luyện tiêu chuẩn (chương trình và thời gian huấn luyện theo chính sách huấn luyện của VNA), không bao gồm chi phí huấn luyện thêm hoặc đào tạo kéo dài so với chương trình huấn luyện tiêu chuẩn. Kinh phí đào tạo được xác định trên cơ sở Hợp đồng đào tạo giữa học viên PCCB với VFT và các Tổ chức huấn luyện Hàng không để hoàn thành chương trình huấn luyện phi công cơ bản, các tài liệu, chứng từ hợp pháp, hợp lệ chứng minh số tiền học phí học viên thanh toán cho VFT và các đối tác của VFT. Tổ chức huấn luyện hàng không.
11. **Lý thuyết ATP:** Lý thuyết phi công vận tải hàng không
12. **MCC:** Là Khóa huấn luyện phối hợp tổ bay (Multi Crew Cooperation)
13. **Nhà tuyển dụng:** là các Hãng Hàng không đối tác của VFT có thỏa thuận tiếp nhận Phi công cơ bản do VFT tổ chức huấn luyện.
14. **Phi công cơ bản (PCCB)** là Học viên phi công cơ bản đã hoàn thành chương trình đào tạo phi công cơ bản theo đúng chương trình huấn luyện của VNA tại các Tổ chức huấn luyện hàng không đã được CAAV phê chuẩn và VNA chấp thuận.
15. **PPL:** Là Bằng phi công tư nhân



16. **Qui chế đào tạo của VNA:** Là qui chế đào tạo của VNA ban hành kèm theo Quyết định số 1378/QĐ-HĐTV/TCTHK ngày 26/08/2015 của Hội đồng quản trị VNA và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung (nếu có)
17. **Qui định tuyển dụng phi công cơ bản tự túc kinh phí đào tạo của VNA –** là Qui định tuyển dụng phi công cơ bản tự túc kinh phí đào tạo ban hành theo Quyết định số 56/TCTHK-HĐTC ngày 06/10/2014 của Hội đồng thành viên VNA và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung (nếu có).
18. **Tiêu chuẩn sơ tuyển và tuyển dụng của VNA:** là Tiêu chuẩn sơ tuyển và tuyển dụng ban hành theo Quyết định số 444/QĐ-TCTHK-HĐTC ngày 25/02/2014 của Hội đồng thành viên VNA và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung (nếu có).
19. **Tổ chức huấn luyện hàng không:** Là VFT và/hoặc Trường bay
20. **Trường bay:** Là đối tác liên kết huấn luyện với VFT đã được CAAV phê chuẩn và VNA phê duyệt, và chỉ định để huấn luyện bay thực hành cho Học viên của Bên A.
21. **VNA:** Là Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – Công ty Cổ phần



## **Phụ lục 5**

### **YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN HỌC VIÊN PHI CÔNG CƠ BẢN**

#### **1. HUẤN LUYỆN LÝ THUYẾT**

Tổng số giờ học lý thuyết tối thiểu là 750 giờ, bao gồm huấn luyện PPL, CPL với IR, MCC và huấn luyện ATP lý thuyết (bao gồm cả giới thiệu về GPWS, TCAS, RVSM v.v...).

#### **2. HUẤN LUYỆN TRÊN BUỒNG LÁI MÔ PHÒNG**

Tổng số giờ bay trên buồng lái mô phỏng (FNPT1 và FNPT 2) tối thiểu 60 giờ cho các nội dung VFR, IFR và MCC, bao gồm tối thiểu 01 bài LOFT.

#### **3. HUẤN LUYỆN BAY THỰC HÀNH**

Tổng số giờ bay tối thiểu là 200 giờ trong đó ít nhất 40 giờ bay trên máy bay nhiều động cơ theo các nội dung sau :

a. PPL: 45 giờ bay cơ bản, bao gồm :

- 35 giờ bay kèm, trong đó:
  - + 25 giờ kèm ban ngày
  - + 10 giờ kèm ban đêm
  - + Ít nhất 01 chuyến bay đường dài hạ cánh ở sân bay ngoài sân bay căn cứ với cự ly tối thiểu 270km (150Nm) tính từ sân bay cất cánh.
- 10 giờ bay đơn, trong đó ít nhất một chuyến bay đơn đường dài hạ cánh ở 02 sân bay khác ngoài sân bay căn cứ với cự ly tối thiểu 270km (150 Nm) tính từ sân bay cất cánh.

b. CPL : Tổng số 155 giờ bay, bao gồm:

- 100 giờ bay PIC (50 giờ IFR + 50 giờ VFR), trong đó có 50 giờ bay với chức năng lái chính có giám sát, ít nhất có 02 chuyến bay đường dài với cự ly không nhỏ hơn 540Km (300Nm) và hạ cánh ở 02 sân bay khác ngoài sân bay căn cứ.
- 05 giờ bay nhào lộn trên máy bay thích hợp hoặc 5 giờ bay lấy lại trạng thái cân bằng máy bay từ các tình huống bất thường (attitude upset recovery).
- 40 giờ bay trên máy bay nhiều động cơ.



- 10 giờ bay đêm gồm ít nhất 05 giờ bay kèm dẫn đường, bao gồm 01 chuyến bay đường dài ban đêm và 05 lần cất cánh đơn, 05 hạ cánh đơn.

#### **4. HUẤN LUYỆN ANH VĂN HÀNG KHÔNG**

Phi công tốt nghiệp phải được cấp chứng chỉ Anh văn Hàng không tối thiểu cấp độ 4 theo quy định của ICAO.

#### **5. HUẤN LUYỆN TỔ LÁI NHIỀU THÀNH VIÊN**

Chương trình huấn luyện Tổ lái nhiều thành viên (MCC) tối thiểu 25 giờ hướng dẫn lý thuyết và tối thiểu 20 giờ huấn luyện trên SIM, bao gồm các nội dung sau:

- Làm việc theo nhóm;
- Chia sẻ công việc;
- Giao tiếp;
- Sử dụng checklist;
- Kiểm tra chéo và các khẩu lệnh trong buồng lái.



## **Phụ lục 6**

### **DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU, CHỨNG TỪ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC VNA THANH TOÁN MỘT PHẦN KINH PHÍ ĐÀO TẠO THEO CHÍNH SÁCH**

#### **1. Tài liệu, chứng từ tài chính**

- a. Các tài liệu cung cấp cho VNA trước khi học viên tiến hành đào tạo:
  - Hợp đồng đào tạo giữa học viên PCCB và VFT
  - Hợp đồng đào tạo ký giữa trường đào tạo phi công và học viên PCCB
- b. Các tài liệu, chứng từ tài chính cung cấp cho VNA tại thời điểm bàn giao học viên phi công cơ bản:

- Hóa đơn hoặc thông báo nộp tiền của VFT thể hiện rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của trường, nội dung thanh toán, số tiền thanh toán, thời điểm thanh toán kèm theo các biên lai, biên nhận, điện chuyển tiền của lần đóng tiền tương ứng.

Hóa đơn hoặc thông báo nộp tiền của trường đào tạo phi công thể hiện rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của trường, nội dung thanh toán, số tiền thanh toán, thời điểm thanh toán kèm theo các biên lai, biên nhận, điện chuyển tiền của lần đóng tiền tương ứng.

- Bản xác nhận của VFT về tổng giá trị khóa đào tạo mà PCCB đã thanh toán (theo mẫu “Confirmation of Payment” đính kèm).
- Bản xác nhận của Trường đào tạo về tổng giá trị khóa đào tạo mà PCCB đã thanh toán (theo mẫu “Confirmation of Payment” đính kèm).

*Lưu ý: Các hồ sơ và chứng từ trên phải là bản gốc hoặc sao y công chứng, có thể hiện rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của Trường đào tạo, có chữ ký của người có thẩm quyền của trường đào tạo (kèm theo tên, chức danh) và đóng dấu của trường.*

#### **2. Bằng cấp chứng chỉ và Hồ sơ huấn luyện:** được VFT cung cấp cho VNA tại thời điểm bàn giao học viên phi công cơ bản

- Chứng chỉ phi công vận tải hàng không ATP (lý thuyết) do VFT cấp và Bảng kết quả huấn luyện lý thuyết ATP của CAAV
- Bằng phi công tư nhân (PPL), Bằng phi công thương mại (CPL), Chứng chỉ bay bằng thiết bị bay nhiều động cơ (IR ME) do Nhà chức trách hàng không nước sở tại cấp
- Chứng chỉ Anh văn hàng không theo chuẩn ICAO tối thiểu cấp độ 4





- Bảng đánh giá kết quả huấn luyện bay (training records) của Trường bay đối với học viên qua từng giai đoạn PPL/CPL/IR ME
- Chứng chỉ hoàn thành khoá huấn luyện phối hợp tổ bay (MCC) và Bảng kết quả đánh giá quá trình huấn luyện MCC do VFT cấp và được CAAV phê chuẩn